

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

TRẦN VĂN TÂN

**PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG
NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính
Mã số : 62.38.01.02**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2016

Công trình được hoàn thành tại:
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Trương Thị Hồng Hà**

Phản biện 1: GS. TS. Thái Vĩnh Thắng

Phản biện 2: GS.TS. Phạm Hồng Thái

Phản biện 3: PGS.TS. Lương Thanh Cường

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, họp tại Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, 477 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Vào hồi giờ ... ngày tháng năm 2016

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Khoa học xã hội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Vấn đề nghiên cứu chính quyền địa phương nói chung, HĐND nói riêng được đặt ra từ rất lâu. Tuy chưa đủ căn cứ để khẳng định vấn đề này đặt ra từ khi nào, nhưng lịch sử nghiên cứu những vấn đề về chính quyền địa phương và HĐND chắc chắn có một bề dày đáng kể. Theo đánh giá của các nhà khoa học, hiện nay đã có hàng trăm, thậm chí hàng nghìn công trình nghiên cứu lớn nhỏ có liên quan về chính quyền địa phương, về HĐND. Hơn nữa, nghiên cứu vấn đề này không có nghĩa là chỉ quan tâm đến yếu tố pháp lý hay các công trình nghiên cứu dưới góc độ pháp luật. Bởi vì, đây là lĩnh vực nghiên cứu được nhiều nhà khoa học tiếp cận dưới mọi góc độ khác nhau. Các công trình liên quan vì thế ngày càng phong phú, đa dạng hơn (bao gồm cả sách chuyên khảo, tạp chí các chuyên ngành luật học, chính trị học, hành chính học, chính sách công, triết học, sử học...). Song cho đến nay, trong phạm vi các tư liệu đã được công bố, chưa có một công trình nghiên cứu độc lập nào đối với pháp luật về tổ chức HĐND ở Việt Nam.

Mặt khác, các công trình nghiên cứu có liên quan về chính quyền địa phương nói chung, về HĐND nói riêng đã được tập trung nghiên cứu trước khi Quốc hội Khóa XIII biểu quyết thông qua bản Hiến pháp năm 1992 bổ sung, sửa đổi với tên gọi Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (vào ngày 28/11/2013, tại Kỳ họp thứ 6) và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015. Và đương nhiên cũng trước khi Ban Chấp hành Trung ương Khóa XI có chủ trương (tại Hội nghị Trung ương mười một từ ngày 04 đến ngày 07/5/2015): Tất cả các đơn vị hành chính quy định tại Khoản 1, Điều 110 Hiến pháp năm 2013 đều tổ chức cấp chính quyền địa phương gồm có HĐND và UBND. Bên cạnh đó, các công trình khoa học nêu trên được tập trung nghiên cứu trong bối cảnh Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Quy chế hoạt động của HĐND ban hành kèm theo Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và Luật Bầu cử đại biểu HĐND ngày 24/11/2010 chưa ban hành hoặc đã được ban hành nhưng chưa bộc lộ rõ những tồn tại, hạn chế, bất cập qua thực tiễn.

Chính vì vậy, Nghiên cứu sinh đã lựa chọn đề tài nghiên cứu của mình là: “Pháp luật về tổ chức Hội đồng nhân dân ở Việt Nam hiện nay”. Đề tài luận án được thực hiện dựa trên cơ sở thực tiễn và lý luận sau đây:

1.1. Trước hết, pháp luật về tổ chức HĐND ở Việt Nam là một đề tài có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp bách xuất phát từ dự báo tình hình thế giới, khu vực và trong nước thời gian tới.

1.2. Lý do thứ hai là xuất phát từ việc khẳng định chế độ dân chủ ở nước ta là dân chủ xã hội chủ nghĩa

1.3. Lý do thứ ba, trên cơ sở định hướng của Hội nghị Trung ương lần thứ mười một, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI

Từ ngày 04 đến ngày 07/5/2015, Hội nghị Trung ương lần thứ mười một, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã quyết định chọn phương án: Tất cả các đơn vị hành chính quy định tại Khoản 1, Điều 110 Hiến pháp năm 2013 đều tổ chức cấp chính quyền địa phương gồm có HĐND và UBND.

1.4. Lý do thứ tư, xuất phát từ yêu cầu triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013

1.5. Lý do thứ năm, xuất phát từ quá trình hoạt động thực tiễn của HĐND kể từ khi Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003 có hiệu lực thi hành

1.6. Lý do thứ sáu, xuất phát từ xu hướng chung của các Nhà nước dân chủ trên thế giới

Xu hướng chung của các Nhà nước dân chủ trên thế giới hiện nay là tổ chức chính quyền địa phương, trong đó có HĐND theo nguyên tắc tự quản. Liên minh Châu Âu năm 1985 đã thông qua Công ước về tự quản địa phương, nên đối với những nước mới muốn xin gia nhập Liên minh Châu Âu thì một trong những điều kiện đòi hỏi là phải tham gia Công ước này. Hiện nay, Liên hợp quốc đang tiến tới xây dựng và thông qua Hiến chương quốc tế về tự quản địa phương. Vì vậy, chúng ta cần nghiên cứu tiếp thu những kinh nghiệm hay của tổ chức tự quản địa phương, những điều kiện và khả năng có thể áp dụng được ở nước ta để hướng đến đổi mới một cách cơ bản tổ chức chính quyền địa phương trong thời gian tới.

Như vậy, xuất phát từ cơ sở lý luận và thực tiễn nêu trên, việc nghiên cứu đề tài: “**Pháp luật về tổ chức HĐND ở Việt Nam hiện nay**” là cần thiết và cấp bách, là đòi hỏi bức thiết của thực tiễn cuộc sống.

2. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài: tổ chức của HĐND các cấp ở Việt Nam và hệ thống pháp luật liên quan đến tổ chức HĐND các cấp ở Việt Nam và pháp luật về chính quyền địa phương ở một số nước trên thế giới.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

Không gian: trên phạm vi cả nước.

Thời gian: nghiên cứu pháp luật về tổ chức HĐND từ khi thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đến nay, nhất là từ năm

2011 đến nay (chủ yếu tập trung trong nhiệm kỳ Nhiệm kỳ 2011 - 2016 để đánh giá thực tiễn).

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài có mục đích nghiên cứu một cách có hệ thống đối với pháp luật về tổ chức HĐND và việc thực hiện pháp luật về tổ chức, hoạt động của HĐND. Trên cơ sở nghiên cứu tổng kết, luận giải làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn, đề tài đề xuất các kiến nghị, quan điểm và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về tổ chức của HĐND ở nước ta hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích nghiên cứu nêu trên, đề tài có những nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

Tiến hành phân loại, đánh giá khách quan khoa học về tổng quan tình hình nghiên cứu và xác định những vấn đề kế thừa, những vấn đề cần phải nghiên cứu theo mục đích, nhiệm vụ của luận án.

Nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản pháp luật về tổ chức của HĐND ở Việt Nam hiện nay. Qua đó, làm rõ khái niệm điều chỉnh pháp luật về tổ chức HĐND; vị trí pháp lý, tính chất, quan niệm, mô hình HĐND hợp lý; khái niệm, đặc điểm, hiệu quả của pháp luật về tổ chức HĐND; đánh giá tính thống nhất, toàn diện, khách quan, khả thi và kỹ thuật lập pháp của pháp luật về tổ chức HĐND hiện hành; trình bày, phân tích được các mô hình tổ chức chính quyền địa phương nói chung, Hội đồng địa phương nói riêng ở một số nước trên thế giới và những kinh nghiệm có thể áp dụng vào Việt Nam.

Nghiên cứu, khảo sát, đánh giá đúng thực trạng pháp luật về tổ chức HĐND và tình hình thực hiện pháp luật về tổ chức HĐND ở nước ta trên cơ sở khảo sát thực trạng tổ chức của HĐND các cấp ở nước ta từ năm 1945 đến nay (chủ yếu tập trung trong Nhiệm kỳ 2011 - 2016). Phân tích, đánh giá những kết quả đạt được và chỉ ra những vướng mắc,

bất hợp lý, tồn tại, hạn chế về cơ cấu tổ chức của HĐND cần giải quyết từ góc độ thể chế, cũng như góc độ thực tiễn pháp lý và chính trị.

Nghiên cứu, đề xuất quan điểm và giải pháp khoa học đúng đắn, hợp lý nhằm đổi mới, hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của HĐND ở nước ta hiện nay.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở phương pháp luận

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật; quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa; bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực thuộc về nhân dân, tiếp tục hoàn thiện hình thức dân chủ đại diện, bảo đảm nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua Quốc hội, HĐND, các cơ quan khác của Nhà nước và cả hệ thống chính trị.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Căn cứ vào cơ sở phương pháp luận như đã nêu trên, luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu như sau:

Đề tài sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu truyền thống và hiện đại của khoa học luật như duy vật biện chứng, phân tích, so sánh, thống kê, tổng hợp, lịch sử, điều tra xã hội học, hệ thống hoá, mô hình hoá, phỏng vấn chuyên sâu, diễn giải và quy nạp, khảo sát, điều tra để thu thập tư liệu, số liệu.

5. Những đóng góp mới về khoa học của luận án

Luận án là công trình đầu tiên nghiên cứu độc lập, có hệ thống và toàn diện đối với “Pháp luật về tổ chức HĐND ở Việt Nam hiện nay” nên góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận của pháp luật về tổ chức của HĐND; Khái niệm chính quyền địa phương và chính quyền cơ sở; khái niệm, vị trí, tính chất, quan niệm, mô hình hợp lý của HĐND; lý luận điều chỉnh pháp luật về tổ chức HĐND; đặc điểm, vai trò, nội dung của pháp luật về tổ chức HĐND; so sánh pháp luật về tổ chức HĐND; tiêu chí hoàn thiện pháp luật về tổ chức HĐND ở

nước ta hiện nay; những kinh nghiệm nước ngoài có thể tiếp thu để xây dựng đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt ở Việt Nam; trình bày, phân tích được các mô hình tổ chức chính quyền địa phương nói chung, Hội đồng địa phương nói riêng ở một số nước trên thế giới và những kinh nghiệm có thể áp dụng vào Việt Nam.

Luận án tiến hành đánh giá tổng thể, toàn diện đối với thực trạng pháp luật về tổ chức của HĐND một cách khách quan, khoa học trên cơ sở bộ tiêu chí đánh giá chi tiết; góp phần tổng kết thực tiễn về tổ chức của HĐND ở Việt Nam hiện nay.

Luận án là công trình nghiên cứu mang tính khái quát cao khi luận chứng hệ các giải pháp, kiến nghị về việc hoàn thiện pháp luật về tổ chức của HĐND ở Việt Nam hiện nay. Đây là các giải pháp có tính toàn diện, sát thực, khả thi và hữu ích cho tổ chức của HĐND các cấp.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Về mặt lý luận

Luận án sẽ góp phần bổ sung, làm phong phú, hoàn chỉnh thêm các luận chứng khoa học về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân; về đổi mới hệ thống chính trị, cải cách bộ máy nhà nước nói chung, chính quyền địa phương và HĐND nói riêng.

6.2. Về mặt thực tiễn

Kết quả nghiên cứu là cơ sở khoa học và thực tiễn để các cơ quan có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, pháp luật nhằm đổi mới, hoàn thiện tổ chức của HĐND; qua đó, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của từng địa phương.

Bên cạnh đó, luận án có giá trị tham khảo đối với các hoạt động nghiên cứu lý luận về chính quyền địa phương nói chung và tổ chức của HĐND nói riêng ở nước ta hiện nay tại các cơ sở nghiên cứu, giảng dạy, đào tạo khoa học pháp lý, chính trị và hành chính.

Nhất là, luận án cũng góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho HĐND các cấp trên phạm vi toàn quốc có thể nghiên cứu, vận dụng vào thực tiễn để đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả hoạt động của mình.

7. Kết cấu của luận án

Với đối tượng, phạm vi và mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu như đã trình bày nêu trên, luận án được kết cấu gồm: ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, phần nội dung gồm 04 chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Tổng quan về tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án.

Chương 2: Những vấn đề lý luận và lịch sử của pháp luật về tổ chức HĐND ở Việt Nam hiện nay.

Chương 3: Thực trạng pháp luật về tổ chức HĐND và thực hiện pháp luật về tổ chức HĐND ở Việt Nam hiện nay.

Chương 4: Quan điểm và giải pháp hoàn thiện pháp luật về tổ chức HĐND ở Việt Nam hiện nay.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài liên quan đến đề tài

1.1.1. Sách

1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài đăng tải trên tạp chí

1.2. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam liên quan đến đề tài

1.2.1. Các công trình nghiên cứu xuất bản trên các sách

1.2.2. Các đề tài nghiên cứu khoa học có liên quan

1.2.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài được đăng tải trên tạp chí

1.2.4. Các luận án, luận văn nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

1.3. Đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài Luận án

1.3.1. Về những kết quả nghiên cứu mà Luận án kế thừa, tiếp tục phát triển

Qua nghiên cứu, có thể thấy các công trình khoa học nêu trên đã tập trung giải quyết các vấn đề cơ bản sau đây:

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu trực tiếp hoặc gián tiếp đều đã đề cập một cách khá toàn diện về phương diện lý luận lẫn thực tiễn về các nguyên tắc và cách thức tổ chức chính quyền địa phương ở một số nước trên thế giới; vấn đề phân quyền giữa trung ương và địa phương; về phân cấp, lịch sử phân cấp, sự ảnh hưởng và vai trò của phân cấp đối với quá trình phát triển; về chế độ dân chủ của Nhà nước, cải cách nền dân chủ, vấn đề dân chủ trực tiếp và gián tiếp của chính quyền địa phương; chế độ bầu cử, hệ thống kiểm tra, giám sát bầu cử, những điểm bất hợp lý của chế độ bầu cử đại biểu HĐND hiện nay ở nước ta.

Thứ hai, đã thể hiện những nội dung nghiên cứu lý luận và thực tiễn về chính quyền địa phương ở nước ta hiện nay; kinh nghiệm lịch sử trong xây dựng và phát triển chính quyền địa phương ở nước ta từ năm 1945 đến nay; đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương gắn với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền; về khái niệm chính quyền địa phương; Tư tưởng Hồ Chí Minh về chính quyền địa phương; về thiết chế cơ quan đại diện của nhân dân; về tính chất tự quản của chính quyền địa phương; phương hướng thiết kế mô hình tổ chức chính quyền địa phương đa dạng ở nước ta; cơ sở của việc tổ chức chính quyền hoàn chỉnh có HĐND, UBND và chính quyền không có HĐND; mối quan hệ giữa cơ quan quản lý hành chính ở chính quyền không có HĐND với HĐND và UBND cấp trên; thẩm quyền đối với chính quyền địa phương vùng thành thị, vùng nông thôn, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt ...

Thứ ba, đã phân tích khá kỹ quá trình hình thành và phát triển của HĐND từ khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho đến nay; vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của HĐND; những điều kiện đảm bảo để HĐND địa phương hoạt động độc lập, có hiệu lực, hiệu quả, tránh tình hình thức; nhu cầu, phương hướng, giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của HĐND, kể cả cách thức bầu cử HĐND ở nước ta hiện nay; tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động của HĐND; hiệu quả giám sát của HĐND; khái niệm hoạt động giám sát của HĐND, phân biệt khái niệm hoạt động giám sát của HĐND với các khái niệm hoạt động giám sát của các tổ chức khác như hoạt động giám sát của Quốc hội, của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam...

Thứ tư, đã làm sáng tỏ vấn đề bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do HĐND bầu; thành lập thêm một số ban chuyên môn của HĐND như Ban Kinh tế, Ban Ngân sách (tách ra từ Ban Kinh tế và Ngân sách), tách Ban Pháp chế ra làm 2 ban trong đó có một Ban chuyên giám sát hoạt động ban hành văn bản quy phạm pháp luật, thành lập thêm Ban quản lý những vấn đề đô thị; phát huy hơn nữa tính chủ động và trách nhiệm của chính quyền địa phương; xây dựng

HĐND có thực quyền; nâng cao hiệu quả hoạt động trên các mặt: kỳ họp HĐND, hoạt động của Thường trực HĐND và đại biểu HĐND; nêu ra những đặc trưng cơ bản của HĐND; vấn đề dân chủ trong tổ chức và hoạt động của HĐND; chủ trương thí điểm và những ưu điểm, hạn chế khi không tổ chức HĐND huyện, quận, phường; ưu điểm và bất cập trong tổ chức và hoạt động của HĐND ở Việt Nam hiện nay.

1.3.2. Những vấn đề chưa được giải quyết thấu đáo, cần phải tiếp tục nghiên cứu

1.3.2.1. Những vấn đề chưa được giải quyết thấu đáo

Tổ chức HĐND phù hợp với cơ chế dân chủ đại diện trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam. Trong đó nhiều công trình chưa tiến hành nghiên cứu và luận chứng về cơ sở lý luận, thực tiễn của tổ chức HĐND trong cơ cấu hệ thống chính trị trung ương và cơ sở để đảm bảo là cơ quan đại biểu của nhân dân địa phương. Đồng thời, nhiều công trình chưa lý giải vì sao có sự khác nhau giữa tổ chức HĐND cấp tỉnh với HĐND cấp huyện và cấp xã. Bên cạnh đó, nhiều vấn đề lý luận của pháp luật về tổ chức HĐND chưa được làm rõ, cụ thể là: (1) vị trí, vai trò, tổ chức và hoạt động của Tổ đại biểu HĐND; (2) vai trò của đại biểu HĐND đối với chất lượng quyết định của HĐND; (3) năng lực quyết định của HĐND trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; (4) năng lực quyết định ngân sách của HĐND; (5) quan niệm về năng lực quyết định và hiệu quả hoạt động giám sát của HĐND; (6) các tiêu chí đánh giá năng lực quyết định và hiệu quả hoạt động giám sát của HĐND; (7) mối quan hệ giữa năng lực quyết định và hiệu quả hoạt động giám sát của HĐND; (8) vai trò của thông tin trong hoạt động giám sát của HĐND; (9) những kinh nghiệm trong hoạt động giám sát của HĐND và trong việc thực hiện chức năng quyết định của HĐND; (10) chất vấn của đại biểu HĐND và việc trả lời chất vấn của các cơ quan, đơn vị, cá nhân bị chất vấn; (11) hệ thống các báo cáo phục vụ hoạt động giám sát của HĐND; (12) giám sát hoạt động tư pháp của HĐND; (13) giám sát các nguồn vốn đầu tư tại địa phương của HĐND; (14)

giám sát thu - chi ngân sách của HĐND; (15) tiếp xúc cử tri, tiếp công dân và giám sát việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của đại biểu HĐND. Đồng thời, các nghiên cứu đã đưa ra nhiều kiến nghị song hầu hết mới dừng lại ở đề xuất xây dựng Luật Tổ chức chính quyền địa phương và khi đã có Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì còn bỏ ngỏ những nghiên cứu cụ thể để đề xuất về Luật Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt cũng như các kiến nghị, đề xuất cụ thể để sửa đổi, bổ sung pháp luật về bầu cử nói chung và đại biểu HĐND nói riêng; các giải pháp nâng cao năng lực giám sát và nâng cao năng lực quyết định của HĐND.

1.3.2.2. Những vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu

Vị trí pháp lý của HĐND trong bộ máy nhà nước phù hợp với Hiến pháp năm 2013.

Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc và nội dung pháp luật về tổ chức HĐND trong Nhà nước pháp quyền XHCN, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay.

Khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung của pháp luật về tổ chức HĐND; xây dựng khái niệm, xác định đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh pháp luật về tổ chức HĐND.

Đánh giá tổng thể về tính khách quan, minh bạch, phù hợp, toàn diện, đồng bộ pháp luật về tổ chức HĐND; đảm bảo tính khả thi và yêu cầu về kỹ thuật lập pháp.

Với mỗi nội dung nghiên cứu, luận án tiếp cận cả kinh nghiệm tổ chức chính quyền địa phương của một số nước trên thế giới để tìm giải pháp phù hợp cho việc hoàn thiện pháp luật về tổ chức HĐND ở Việt Nam hiện nay.

Các yếu tố tác động đến pháp luật về tổ chức HĐND phù hợp với Hiến pháp năm 2013: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, tâm lý...

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Để có thông tin, dữ liệu, cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc thực hiện luận án, tôi đã tập trung nghiên cứu một số công trình khoa học có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp pháp luật về tổ chức HĐND ở Việt Nam hiện nay. Luận án cũng đã chia các công trình nghiên cứu khoa học này thành hai nhóm: nhóm thứ nhất là tình hình nghiên cứu trên thế giới liên quan đến đề tài luận án; nhóm thứ hai là tình hình nghiên cứu trong nước liên quan đến đề tài luận án. Qua nghiên cứu những công trình khoa học nêu trên, có thể khẳng định rằng, việc nghiên cứu về tổ chức bộ máy nhà nước nói chung, tổ chức chính quyền địa phương nói riêng đã được các nhà khoa học dành mỗi quan tâm đặc biệt. Riêng về HĐND, có một số ít công trình nghiên cứu liên quan đến hoạt động giám sát, nâng cao chất lượng hoạt động, đổi mới tổ chức và hoạt động trong điều kiện xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ ở Việt Nam.... nhưng chưa thực sự đạt kết quả như mong muốn.

Nghiên cứu sinh đã hết sức cố gắng khái quát những thành quả nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án của các nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn, nhà lãnh đạo, quản lý; đồng thời, chỉ ra những nội dung chưa được giải quyết thấu đáo, cần phải tiếp tục nghiên cứu. Chính vì thế, đề tài: “Pháp luật về tổ chức HĐND ở Việt Nam hiện nay” mà tác giả đã lựa chọn làm Luận án Tiến sỹ Luật học hoàn toàn không trùng lặp với các công trình đã công bố. Việc nghiên cứu đề tài là cần thiết và cấp bách về mặt lý luận, là đòi hỏi bức thiết của thực tiễn cuộc sống.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ CỦA PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

2.1. Những vấn đề lý luận của pháp luật về tổ chức HĐND

*2.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của pháp luật về tổ chức
HĐND ở Việt Nam*

*2.1.1.1. Khái niệm chính quyền địa phương, vị trí pháp lý và tính
chất của HĐND*

a) Khái niệm chính quyền địa phương

b) Vị trí pháp lý của HĐND

c) Tính chất của HĐND

*2.1.1.2. Khái niệm, đặc điểm và vai trò pháp luật về tổ chức
HĐND*

a) Khái niệm pháp luật về tổ chức HĐND

b) Đặc điểm của pháp luật về tổ chức HĐND

c) Vai trò của pháp luật về tổ chức HĐND

2.1.2. Nội dung pháp luật về tổ chức HĐND

*2.1.3. Tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về tổ
chức HĐND*

2.1.3.1. Tính toàn diện của pháp luật về tổ chức HĐND

2.1.3.2. Tính đồng bộ của pháp luật về tổ chức HĐND

2.1.3.3. *Tính phù hợp của pháp luật về tổ chức HĐND với các điều kiện hiện hữu*

2.1.3.4. *Yêu cầu của pháp luật về tổ chức HĐND đối với kỹ thuật lập pháp*

2.1.3.5. *Tính minh bạch, công khai của pháp luật về tổ chức HĐND*

2.1.3.6. *Tính ổn định tương đối của pháp luật về tổ chức HĐND*

2.2. Lịch sử pháp luật về tổ chức HĐND

2.2.1. *Pháp luật về tổ chức HĐND giai đoạn 1945 đến trước khi có Hiến pháp năm 1946*

2.2.2. *Pháp luật về tổ chức HĐND giai đoạn 1946 đến 1980*

2.2.2.1. *Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 1958*

2.2.2.2. *Quy định về tổ chức HĐND trong Hiến pháp năm 1959*

2.2.2.3. *Quy định về tổ chức HĐND trong Luật Tổ chức HĐND và Ủy ban hành chính các cấp năm 1962*

2.2.2.4. *Quy định về tổ chức HĐND trong Hiến pháp 1980*

2.2.2.5. *Quy định về tổ chức HĐND trong Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 1983*

2.2.2.6. *Quy định về tổ chức HĐND trong Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 1989*

2.2.3. *Pháp luật về tổ chức HĐND giai đoạn từ 1992 đến 2013*

2.2.3.1. *Quy định về tổ chức HĐND trong Hiến pháp năm 1992*

2.2.3.2. *Quy định về tổ chức HĐND trong Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 1994*

2.2.3.3. *Quy định về tổ chức HĐND trong Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003*

2.2.3.4. *Pháp luật về tổ chức HĐND trong Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015*

2.3. Lý luận điều chỉnh pháp luật về tổ chức HĐND

2.3.1. Khái niệm điều chỉnh pháp luật về tổ chức HĐND

2.3.2. Đối tượng điều chỉnh pháp luật về tổ chức HĐND

2.3.3. Cơ chế điều chỉnh pháp luật về tổ chức HĐND

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Sau khi nghiên cứu những vấn đề lý luận về tổ chức HĐND và pháp luật về tổ chức HĐND ở Việt Nam hiện nay, tôi rút ra một số kết luận như sau:

Sau khi nghiên cứu những vấn đề lý luận về tổ chức HĐND và pháp luật về tổ chức HĐND ở Việt Nam hiện nay, tôi rút ra một số kết luận như sau:

Một là: CQĐP là một thiết chế của Nhà nước gắn với đơn vị hành chính - lãnh thổ, bao gồm các cơ quan đại diện quyền lực nhà nước ở địa phương do nhân dân địa phương trực tiếp bầu ra và các cơ quan, tổ chức khác của Nhà nước được thành lập trên cơ sở các cơ quan đại diện quyền lực nhà nước theo quy định của pháp luật nhằm quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội ở địa phương, kết hợp hài hòa giữa lợi ích của nhân dân địa phương và lợi ích chung của cả nước.

Hai là: Khẳng định vị trí trí pháp lý của HĐND là cơ quan trọng yếu của chính quyền địa phương, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, được nhân dân địa phương bầu ra, đại diện cho nhân dân địa phương thực hiện quyền tự quản trong hầu hết các lĩnh vực quản lý xã hội ở địa phương, đảm bảo cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân địa phương được thực hiện có hiệu quả trong thực tế.

Ba là: Khái niệm pháp luật về HĐND được hiểu là tập hợp các QPPL do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thiết lập cơ cấu tổ chức bộ

máy của HĐND và các vấn đề liên quan đến tổ chức của HĐND các cấp, đảm bảo mục đích cho HĐND thực hiện chức năng và nhiệm vụ đã được hiến định.

Bốn là: Đặc điểm pháp luật về tổ chức HĐND là mang tính quy phạm phổ biến; tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức; tính được đảm bảo bằng Nhà nước; có đối tượng điều chỉnh riêng; có phạm vi và mức độ điều chỉnh riêng; có phương pháp điều chỉnh đặc thù.

Năm là: Nội dung của pháp luật về tổ chức HĐND được hiểu là những quy tắc xử sự cụ thể do Nhà nước ban hành dưới hình thức văn bản QPPL điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thiết lập cơ cấu tổ chức và cách thức hoạt động của quá trình các cơ cấu tổ chức của HĐND tiến hành. Do vậy, pháp luật về tổ chức HĐND gồm hai nội dung cơ bản, đó là pháp luật về thiết lập cơ cấu tổ chức cấu tạo nên HĐND và tổ chức cho các cơ cấu, thiết chế cấu tạo nội dung hoạt động của HĐND thực hiện có hiệu quả các chức năng, nhiệm vụ của mình.

Sáu là: Tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về tổ chức HĐND bao gồm: Tính toàn diện; tính đồng bộ; tính minh bạch, công khai; tính ổn định tương đối; tính phù hợp của pháp luật về tổ chức HĐND với các điều kiện hiện hữu và yêu cầu của pháp luật về tổ chức HĐND đối với kỹ thuật lập pháp.

Bảy là: Quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật về HĐND gồm có những giai đoạn sau: Pháp luật về tổ chức HĐND giai đoạn 1945 đến trước khi có Hiến pháp năm 1946; pháp luật về tổ chức HĐND giai đoạn 1946 đến 1980; pháp luật về tổ chức HĐND giai đoạn từ 1992 đến 2013 và từ 2013 đến nay.

Chương 3
THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG
NHÂN DÂN VÀ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC HỘI
ĐỒNG NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Thực trạng pháp luật về tổ chức HĐND ở Việt Nam hiện nay

3.1.1. Thực trạng quy định hiện hành của pháp luật về tổ chức HĐND ở Việt Nam

3.1.1.1. Quy định pháp luật về Thường trực HĐND

3.1.1.2. Quy định pháp luật về các Ban của HĐND

3.1.1.3. Quy định pháp luật về đại biểu HĐND

3.1.1.4. Quy định pháp luật về tổ đại biểu HĐND

3.1.1.5. Về tổ chức kỳ họp của HĐND

3.1.2. Đánh giá chung về thực trạng pháp luật về tổ chức HĐND hiện hành

3.1.2.1. Ưu điểm

3.1.2.2. Hạn chế

3.2. Thực hiện pháp luật về tổ chức HĐND ở Việt Nam hiện nay

3.2.1. Về HĐND

3.2.1.1. Kết quả đạt được

3.2.1.2. Tồn tại, hạn chế

3.2.1.3. Nguyên nhân

3.2.2. Về Thường trực HĐND

3.2.2.1. Kết quả đạt được

3.2.2.2. Tồn tại, hạn chế

3.2.2.3. Nguyên nhân

3.2.3. Về các Ban của Hội đồng nhân dân

3.2.3.1. Kết quả đạt được

3.2.3.2. Tồn tại, hạn chế

3.2.3.3. Nguyên nhân

3.2.4. Về Tổ đại biểu HĐND

3.2.4.1. Kết quả đạt được

3.2.4.2. Tồn tại, hạn chế

3.2.4.3. Nguyên nhân

3.2.5. Về đại biểu HĐND

3.2.5.1. Kết quả đạt được

3.2.5.2. Tồn tại, hạn chế

3.2.5.3. Nguyên nhân

3.2.6. Về văn phòng giúp việc HĐND

3.2.6.1. Kết quả đạt được

3.2.6.2. Tồn tại, hạn chế

3.2.6.3. Nguyên nhân

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Qua nghiên cứu về thực trạng pháp luật về tổ chức HĐND và thực hiện pháp luật về tổ chức HĐND ở Việt Nam hiện nay, tôi rút ra những kết luận cơ bản như sau:

Ưu điểm pháp luật về tổ chức HĐND: (1) Đã có bước hoàn thiện, phù hợp và kịp thời với yêu cầu triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013. (2) Pháp luật về tổ chức HĐND đã được quy định trong tổng thể Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 nên đã duy trì và thể hiện sinh động bức tranh pháp lý của HĐND; phù hợp với vị trí pháp lý của HĐND của từng địa phương. (3) Pháp luật về tổ chức HĐND đã đảm bảo tính đồng bộ với Hiến pháp năm 2013, không mâu thuẫn, chồng chéo với các quy định của pháp luật hiện hành. (4) Pháp luật về tổ chức HĐND đã cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới của HĐND nói riêng và chính quyền địa phương nói chung. (5) Về kỹ thuật lập pháp, pháp luật về tổ chức HĐND đã có bước phát triển vượt bậc. Các câu từ trong văn bản pháp luật cụ thể, rõ nghĩa và dễ áp dụng.

Tuy nhiên, pháp luật về tổ chức HĐND còn có những hạn chế như: (1) thiếu quy định pháp luật rõ ràng, nguyên tắc phân chia địa giới hành chính lãnh thổ phù hợp nên gây khó khăn trong quá trình xây dựng pháp luật về tổ chức HĐND trong xu thế chính quyền tự quản được áp dụng có hiệu quả ở nhiều nước. (2) Pháp luật về tổ chức HĐND vẫn còn mang nặng tư duy của mô hình tổ chức cũ, chậm được đổi mới do thiếu cơ sở lý luận nhất quán. (3) Quy định về tổ chức HĐND 03 cấp theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 hoàn toàn rập khuôn theo một mô hình, không có sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn, giữa các khu vực địa lý khác nhau. (4) Chưa có quy định rõ về các tiêu chí thành lập Ban Dân tộc HĐND tỉnh, huyện ở những địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

Về thực hiện pháp luật về tổ chức HĐND, luận án rút ra kết luận như sau: (1) Pháp luật về tổ chức HĐND đã làm cơ sở cho HĐND các địa phương trên cả nước kiện toàn. (2) Do những khác biệt về cơ cấu tổ chức, điều kiện đảm bảo hoạt động, cơ chế phân cấp quản lý nên các kết quả đạt được cũng như hạn chế, bất cập trong hoạt động của HĐND mỗi cấp cũng có sự khác nhau. (3) Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế: Vai trò của pháp luật về tổ chức HĐND chưa được chú trọng, có hiện tượng thí điểm bỏ HĐND cấp quận trong khi Hiến pháp năm 1992 cũng như Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003 đang có hiệu lực. (4) Một số quy định còn chồng chéo, khó triển khai thực hiện hoặc ít phù hợp với thực tế.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. Quan điểm hoàn thiện pháp luật về tổ chức HĐND ở Việt Nam hiện nay

4.1.1. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tổ chức HĐND

Trước hết, cần tập trung lãnh đạo nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của HĐND

Thứ hai, cần triển khai kịp thời, sáng tạo chủ trương của cấp ủy Đảng bằng Nghị quyết của HĐND

Thứ ba, chú trọng vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng trong công tác cán bộ của HĐND

4.1.2. Tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm, quy định pháp luật của các nước trên thế giới về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương

Thứ nhất, tiếp thu hạt nhân hợp lý của thuyết phân công, phân cấp, ủy quyền trong khoa học Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Thứ hai, việc lựa chọn mô hình chính quyền địa phương nào phụ thuộc vào điều kiện chính trị, lịch sử và nhận thức của mỗi Nhà nước

4.1.3. Quán triệt yêu cầu thực tiễn đặt ra trong mối quan hệ giữa HĐND và UBND

Một là, về tính chất, địa vị pháp lý của HĐND và UBND

Hai là, về chức năng, thẩm quyền của HĐND và UBND

Ba là, để bảo đảm thực hiện mối quan hệ giữa HĐND và UBND nói trên theo Hiến pháp năm 2013, cần giải quyết tốt các yêu cầu sau đây của thực tiễn

4.1.4. Quán triệt đầy đủ và đúng đắn mục tiêu của các Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, Chiến lược cải cách hành chính, cải cách tư pháp đến năm 2020

4.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về tổ chức HĐND ở nước ta hiện nay

4.2.1. Nhóm giải pháp chung

4.2.2. Hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức HĐND

- Thể chế hóa các quy định của Hiến pháp về tổ chức HĐND vào các văn bản quy phạm pháp luật

- Quy định linh hoạt về vấn đề đơn vị hành chính

- Xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương làm cơ sở cho việc xây dựng pháp luật về tổ chức HĐND phù hợp thực tế địa phương và để làm tốt chức năng, nhiệm vụ được giao

- Định hướng mở cho việc tổ chức bộ máy phù hợp ở mỗi cấp chính quyền địa phương

- Định hướng mở cho cho việc hoàn thiện chức năng của HĐND...

4.2.3. Nhóm giải pháp cụ thể

4.2.3.1. HĐND

4.2.3.2. Thường trực HĐND

4.2.3.3. Các Ban HĐND

4.2.3.4. Tổ đại biểu HĐND

4.2.3.5. Đại biểu HĐND

4.2.3.6. Văn phòng giúp việc HĐND

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Qua nghiên cứu quan điểm và giải pháp hoàn thiện pháp luật về tổ chức HĐND ở Việt Nam hiện nay, tôi rút ra một số kết luận như sau:

Thứ nhất, quan điểm hoàn thiện pháp luật về tổ chức HĐND, đó là: Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tổ chức HĐND; tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm, quy định của pháp luật của các nước trên thế giới về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương; quán triệt yêu cầu thực tiễn đặt ra trong mối quan hệ giữa HĐND và UBND; quán triệt đầy đủ và đúng đắn mục tiêu của các Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, Chiến lược cải cách hành chính, cải cách tư pháp đến năm 2020.

Thứ hai, giải pháp hoàn thiện pháp luật về tổ chức HĐND gồm có nhóm giải pháp chung; nhóm giải pháp hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức HĐND và nhóm giải pháp riêng đối với HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND và Văn phòng giúp việc HĐND.

KẾT LUẬN

Trong thời kỳ đổi mới (bắt đầu từ năm 1986), đồng thời với việc đổi mới về kinh tế thì cải cách hành chính nói riêng, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN nói chung cũng được thực hiện từng bước thận trọng và đã thu được nhiều kết quả đáng khích lệ, góp phần quan trọng đẩy nhanh sự phát triển đất nước. Bên cạnh đó, đang còn rất nhiều vấn đề kinh tế - xã hội đã tồn tại từ lâu và mới nảy sinh đòi hỏi phải được giải quyết tích cực và có hiệu quả từ phía bộ máy nhà nước. Mặt khác, bối cảnh toàn cầu hoá đang đặt ra trước chúng ta những thách thức và cơ hội mới, nếu không sớm tạo nên những chuyển biến về chất từ phía các chủ thể cầm quyền thì thời cơ sẽ trôi qua và nguy cơ sẽ lớn dần. Nói cách khác, quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền đủ sức định hướng và là cộng sự của nền kinh tế thị trường còn rất nhiều vấn đề đặt ra cần được tiếp tục giải quyết... Do vậy, vấn đề đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của bộ máy chính quyền địa phương (trong đó có HĐND) có vai trò quan trọng không chỉ ở ý nghĩa là sự tự hoàn thiện của cơ quan này mà còn có ý nghĩa góp phần đảm bảo cho bộ máy hành chính công nói riêng và toàn bộ các thành tố hợp thành xã hội - Nhà nước nói chung hoạt động theo đúng “khế ước” mà họ đã thỏa thuận.

Nhìn chung, pháp luật về tổ chức HĐND ở Việt Nam hiện nay là cơ sở pháp lý cho hoạt động của HĐND các cấp thực hiện thông qua hai chức năng cơ bản là quyết định và giám sát trong thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả tích cực, đã làm tốt vai trò chính trị của mình, thể hiện đầy đủ là cơ quan quyền lực nhà nước tại địa phương. Các Nghị quyết của HĐND đã đóng góp tích cực vào tiến trình phát triển của đất nước, đời sống nhân dân ngày càng được nâng lên, bộ mặt nông thôn, miền núi, đô thị có nhiều thay đổi theo hướng văn minh, hiện đại. Hoạt động giám sát của HĐND được đổi mới về phương thức, nội dung, đối tượng, nâng cao về chất lượng, chú trọng hơn đến các vấn đề bức xúc, được dư luận xã hội và nhân dân đồng

tình ủng hộ. Tuy nhiên, so với yêu cầu thực tiễn và vị thế trong hệ thống chính trị, hoạt động của HĐND vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, một số nội dung còn mang tính hình thức. Một trong những nguyên nhân quan trọng là pháp luật về tổ chức của HĐND còn mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu đầy đủ và chưa đảm bảo tính khả thi v.v..v. Trên cơ sở nghiên cứu pháp luật và thực tiễn tổ chức của HĐND, so sánh với các quy định pháp luật hiện hành và tham khảo một số tài liệu liên quan, Luận án đã tiến hành phân tích, đánh giá thực trạng, nguyên nhân và đề ra một số giải pháp cũng như các kiến nghị, đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền để hoàn thiện pháp luật về tổ chức của HĐND nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động của HĐND.

Các quan điểm và giải pháp của Luận án đưa ra đã cho thấy: để đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của HĐND đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp và cần có tiến trình cụ thể, hợp lý. Cùng với việc nâng cao chất lượng đại biểu, đổi mới phương thức, cách thức tổ chức của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND thì cần thiết phải có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng (từ Trung ương đến các cấp ủy Đảng), việc ban hành và sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về tổ chức của HĐND các cấp phù hợp với yêu cầu thực tiễn; nâng cao năng lực hoạt động của đại biểu HĐND; chú trọng chất lượng hoạt động của các cơ quan tham mưu, giúp việc....

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Đề tài khoa học cấp tỉnh: ***“Năng lực quyết định và hiệu quả hoạt động giám sát của HĐND tỉnh, HĐND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Nam- Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp”***.
2. Đề tài khoa học (do Ban Quản lý dự án tăng cường năng lực quyết định và giám sát ngân sách của các cơ quan dân cử Việt Nam trực thuộc Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội hỗ trợ kinh phí để triển khai thực hiện và nghiệm thu): ***“HĐND tỉnh Quảng Nam với công tác giám sát việc phân bổ, quản lý và lồng ghép các nguồn vốn đầu tư”***.
3. Đề tài khoa học (do Ban Quản lý dự án tăng cường năng lực quyết định và giám sát ngân sách của các cơ quan dân cử Việt Nam trực thuộc Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội hỗ trợ kinh phí để triển khai thực hiện và nghiệm thu): ***“Nghiên cứu về các giải pháp và kiến nghị, đề xuất nâng cao năng lực quyết định và giám sát thu - chi ngân sách của HĐND tỉnh Quảng Nam”***.
4. Đề tài khoa học (do Ban Quản lý dự án tăng cường năng lực quyết định và giám sát ngân sách của các cơ quan dân cử Việt Nam trực thuộc Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội hỗ trợ kinh phí để triển khai thực hiện và nghiệm thu): ***“Đánh giá các nguyên tắc, tiêu chí và định mức chi đầu tư phát triển từ nguồn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung trong thời kỳ ổn định ngân sách 2007 - 2010 theo Nghị quyết số 75/2006/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2006 của HĐND tỉnh Quảng Nam và những kiến nghị, đề xuất để xây dựng định mức cho thời kỳ ổn định ngân sách mới”***.
5. Chuyên đề nghiên cứu khoa học (do Ban Quản lý dự án tăng cường năng lực quyết định và giám sát ngân sách của các cơ quan dân cử Việt Nam trực thuộc Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội hỗ trợ kinh phí để triển khai thực hiện và nghiệm thu): ***“Đánh giá tình***

hình thực hiện Luật Ngân sách nhà nước tại Quảng Nam và đề xuất, kiến nghị sửa đổi”.

6. ***Một số nội dung cần sửa đổi, bổ sung của Luật Ngân sách nhà nước năm 2002***, Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 123 (tháng 2/2014), trang 21 - 24.
7. ***Góp phần xây dựng dự thảo luật Tổ chức chính quyền địa phương***, Tạp chí Pháp luật và phát triển, tháng 4/2014, trang 77 - 84.
8. ***Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của hội đồng nhân dân***, Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 126 (tháng 5/2014), trang 43 - 47.
9. ***Nâng cao giám sát quản lý các nguồn vốn đầu tư phát triển tại Quảng Nam***, Tạp chí Ngân hàng, số 12 (tháng 6/2014), trang 41 - 46.
10. ***Kinh nghiệm bước đầu trong hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân***, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 267 (tháng 6/2014), trang 42 - 46.
11. ***Quảng Nam với công tác giám sát quản lý nguồn vốn đầu tư phát triển***, Tạp chí Tài chính, số 596 (tháng 6/2014), trang 91 - 93.
12. ***Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát tư pháp của HĐND cấp tỉnh***, Tạp chí Kiểm sát, số 13 (tháng 7/2014), trang 8 - 13.
13. ***Nâng cao năng lực quyết định ngân sách Hội đồng nhân dân cấp xã***, Tạp chí Quản lý nhà nước, số 222 (tháng 7/2014), trang 32 - 35.
14. ***Năng lực quyết định ngân sách của Hội đồng nhân dân cấp xã: Một số vấn đề đặt ra***, Tạp chí Tài chính, số 597 (tháng 7/2014), trang 47 - 49.
15. ***Một số ý kiến về hoàn thiện pháp luật bầu cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân***, Tạp chí Nghề Luật, số 5 (tháng 9/2014), trang 64 - 66.